

NÊN TIẾP CẬN CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ TƯ SẢN TỪ KHÍA CẠNH QUẢN LÝ

TRƯƠNG VĂN PHÙNG
(Trường ĐHKT - TP. Hồ Chí Minh)

Từ lâu, khi tiếp cận các học thuyết kinh tế tư sản, chúng ta thường có khuynh hướng phê phán và phủ nhận. Dễ hiểu, chúng ta chỉ thừa nhận học thuyết Mác-xít là duy nhất đúng. Bộ sách "Lịch sử tư tưởng Kinh tế" do giáo sư F.I. Pöhlman chủ biên (NXB KHXH 1967) là một thí dụ.

Quả thật, giữa học thuyết Kinh tế Mác-xít và các học thuyết kinh tế tư sản có những vấn đề khác nhau rất căn bản, thậm chí đối lập nhau gay gắt.

Trước hết, học thuyết kinh tế Mác-xít lấy nền tảng xuất phát là học thuyết giá trị lao động, trên cơ sở ấy, vạch ra bản chất kinh tế xã hội, các quan hệ và mâu thuẫn có tính giai cấp trong kinh tế của xã hội có giai cấp. Cao hơn nữa, học thuyết ấy vạch ra nguyên nhân kinh tế của sự vận động của xã hội loài người và những dự đoán cho xã hội tương lai - chủ nghĩa xã hội.

Các học thuyết kinh tế tư sản sau Adam Smith (1723-1790), và đặc biệt sau David Ricardo (1772-1823) lại hướng nghiên cứu trên một cơ sở khác: dường như phủ nhận hoặc không đề cập gì đến học thuyết giá trị lao động. Chủ yếu, các học thuyết kinh tế này đi sâu nghiên cứu mặt hiện tượng, mặt định lượng và những phương thức tổ chức quản lý kinh tế, cả vì mô tả và vì mô.

Hai là, các học thuyết kinh tế Mác-xít trên cơ sở đưa ra tính qui luật trong sự vận động của xã hội để rút ra kết luận: Sự phủ định hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ

nghĩa (TBCN) và sự khẳng định của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (CSCN).

Còn các lý thuyết kinh tế tư sản lại nhằm vạch ra các phương thức hoàn thiện chính nền kinh tế TBCN ấy.

Sinh thời, K. Marx đã phê phán kịch liệt khuynh hướng lý luận kinh tế tư sản này và gọi đó là "kinh tế chính trị học tư sản tầm thường" để phân biệt với kinh tế chính trị học tư sản cổ điển của những William Petty, Adam Smith, David Ricardo, cái khuynh hướng đã sản sinh ra học thuyết giá trị lao động và được K. Marx cho là có tính khoa học.

Tuy nhiên, thật khách quan, một học thuyết tồn tại được, tức có sức sống, đều phải bắt nguồn từ thực tiễn và có ý nghĩa thực tiễn, cho dù, mặt này hay mặt khác có những hạn chế về mặt khoa học hoặc không phù hợp với mục tiêu chính trị của giai cấp này hay giai cấp khác.

Xin đề cập một vài vấn đề quan trọng.

Trước hết về phạm trù giá trị sử dụng hay công dụng

Theo học thuyết giá trị lao động mà K. Marx đã phát triển và hoàn thiện thì giá trị sử dụng được tiếp cận từ khía cạnh bản chất vật chất của các sự vật. Theo đó, giá trị sử dụng là công dụng của vật phẩm, do đặc tính lý hóa của nó qui định, khiến cho vật phẩm ấy có khả năng thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người: với cách tiếp

cận này, giá trị sử dụng là một phạm trù khách quan, công dụng là công dụng khách quan. Nghĩa là, hễ là sản phẩm ấy thì bất cứ ở đâu, lúc nào, nó đều có công dụng ấy. Lập luận này là khoa học không thể bác bỏ được.

Song mặt khác, chúng ta lại biết đến một quan niệm khác về công dụng của một lý thuyết kinh tế khác.

Lý thuyết này có thể được coi như bắt đầu từ Thuyết công dụng của J.B Say (1787-1832) và được trường phái Áo thế kỷ XIX phát triển bằng "thuyết công dụng cận biên". Theo những lý thuyết này, công dụng hay giá trị sử dụng được tiếp cận từ khía cạnh khác: từ phía người tiêu dùng. Đó là công dụng đối với những con người cụ thể, những thời điểm cụ thể của một xã hội cụ thể! Cái công dụng ấy ta gọi là "công dụng chủ quan" và các lý thuyết kinh tế ấy ta ghép vào loại những học thuyết duy tâm chủ quan.

Song trong kinh tế, công dụng chủ quan ấy lại là một hiện thực khách quan. Một vật phẩm cụ thể nào đó quả thật có thể cần thiết cho người này lại không cần thiết cho người kia; lúc này người ta rất cần, lúc khác lại không. Nói theo ngôn ngữ của lý thuyết này là có sự khác nhau về "cường độ của ý muốn" đối với các vật phẩm trong mỗi người, mỗi hoàn cảnh.

Trong quản lý kinh tế, các nhà doanh nghiệp, trên thực tế, không phải là quan tâm đến công dụng khách quan (vì bản



2 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

hàn nó đã là thế rồi) mà chính là quan tâm tới cái công dụng chủ quan ấy: Ai cần, cần như thế nào, cần bao nhiêu. Đó là mối quan tâm hay là đối tượng chính của Marketing. Quản lý kinh tế mà không biết, chủ nhân hay bất chấp công dụng chủ quan thì quả là điều không thể tưởng tượng nổi.

Về lý thuyết giá cả

Học thuyết kinh tế mắc-xít chủ trương nghiên cứu cơ sở sâu xa, chủ yếu của giá cả là giá trị. Trong khi đó, yếu tố cung cầu lại không được đề cập một cách đầy đủ. Thật ra, khi nghiên cứu phương thức sản xuất TBCN, để vạch rõ cái bản chất bên trong, K.Marx đã trừu tượng hoá, loại bỏ sự ảnh hưởng của quan hệ cung cầu. Còn khi nghiên cứu phương thức sản xuất XHCN, các nhà lý luận sau này đã xuất phát từ một mô hình chủ nghĩa xã hội trong đó lao động đã mang tính chất xã hội hoá trực tiếp.

Lý thuyết giá cả của kinh tế học tư bản, biểu hiện tập trung và rõ nét trong lý thuyết về giá cả thị trường của nhà kinh tế học Anh danh tiếng A.Marshall (1842-1924), lại nhấn mạnh đến quan hệ cung-cầu và ngược lại, phủ nhận cơ sở giá trị của giá cả. A.Marshall đã cho rằng giá trị là một phạm trù không có ý nghĩa gì, do người ta tưởng tượng ra. Với lý thuyết này, các mối quan hệ cung - chi phí sản xuất, cầu - công dụng chủ quan và mối quan hệ giữa cung - cầu được đề cập khá kỹ lưỡng.

Quả thật, "chi phí sản xuất" cũng giống như "công dụng chủ quan" là một phạm trù khách quan của sản xuất hàng hoá mà chính K.Marx cũng đã đề cập một cách sâu sắc. Song, K.Marx không gắn trực tiếp chi phí sản xuất với giá cả mà để thấy cái bộ phận đổi ra của lao động không công-tức giá trị thặng dư được biểu hiện dưới hình thức lợi nhuận.

Trong thực tiễn kinh tế, dù là chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản, phạm trù chi phí sản xuất lại biểu hiện hàng ngày và tác động trực tiếp mạnh mẽ đến người sản xuất kinh doanh. Ở đây, giá cả thị trường và chi phí sản xuất được đem đối chiếu một cách khắt khe, cụ thể. Mà giá cả thị trường, dù trong nền kinh tế cạnh tranh hoàn hảo, hay cạnh tranh không hoàn hảo, đều chịu sự tác động các quan hệ cung-cầu. Do vậy, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, không thể không nghiên cứu một cách thấu đáo lý thuyết này.

Về lợi nhuận, lợi tức, địa tô

Học thuyết kinh tế mắc-xít, xuất phát từ học thuyết giá trị lao động để đi sâu nghiên cứu vạch ra nguồn gốc thống nhất và duy nhất của chúng với tiền lương của công nhân - lao động của người công nhân. Đó cũng là nguồn gốc của mọi mâu thuẫn và đấu tranh giai cấp trong CNTB. Đó là nội dung cốt lõi của học thuyết giá trị thặng dư và học thuyết về các hình thức chuyển hoá của giá trị thặng dư của K.Marx.

Các nhà kinh tế học tư sản sau cổ điển đã phủ nhận nguồn gốc sâu xa ấy. J.B Say đưa ra thuyết 3 nhân tố; nhà kinh tế



học Mỹ J.B.Clark (1847-1938) và các nhà kinh tế khác đã đưa ra học thuyết "năng suất cận biên". Theo đó, mọi nhân tố tham gia sản xuất đều có giá cả của nó và đều mang lại cho người chủ sở hữu khoản thu nhập tương ứng. Kinh tế học tư sản hiện đại đã kết hợp các lý thuyết này với lý thuyết cung cầu hiện đại để lý giải phương thức

hình thành hay phân chia giữa địa tô, lợi

nhuận, lợi tức và tiền công.

Chấp nhận kinh tế thị trường, chấp nhận nền kinh tế nhiều thành phần, có nghĩa là chúng ta còn phải thừa nhận sự tồn tại khách quan của các phạm trù ấy. Không chỉ thừa nhận, chúng ta lại cần phải học cách tính toán, xác định sao cho sự phân chia ấy là hợp lý nhất, đem lại hiệu quả kinh tế xã hội cao nhất. Đó là một vấn đề thực tiễn của quản lý.

Sau cùng, ngày nay trên thực tế, lý thuyết về một nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung trực tiếp đã tỏ ra sai lầm và bị loại bỏ trong đời sống kinh tế. Chúng ta đang tiếp cận đến những lý thuyết về một nền kinh tế thị trường có điều tiết hay lý thuyết về nền kinh tế hỗn hợp của J.M.Keynes và các nhà kinh tế kế tục ông. Tiếp cận không phải với con mắt soi mói để phê phán. Tiếp cận để ứng dụng trong quản lý.

Ngay cả lý thuyết trong tiền hiện đại của M.Friedman; nhà kinh tế học Mỹ nổi tiếng thời nay, bề ngoài, nhiều người trong chúng ta cảm thấy có vẻ cực đoan, nhưng thực tế, nó mách bảo cho ta rằng tiền tệ và chính sách tiền tệ có vai trò cực kỳ quan trọng, là công cụ kinh tế rất mạnh và cần phải biết sử dụng chúng.

Tóm lại, ngày nay khi nghiên cứu các học thuyết kinh tế tư sản, chúng ta cần thay đổi cách và hướng tiếp cận. Cách tiếp cận từ hướng chính trị-xã hội để phê phán là cần thiết nhưng đã quá đủ. Cần tập trung tiếp cận từ khía cạnh quản lý và ứng dụng. Bởi lẽ, chúng ta đã chuyển từ việc xây dựng một nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang xây dựng một nền kinh tế thị trường có sự điều tiết vĩ mô của nhà nước.

TVP.

